TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 02tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀSỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 621/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần X, sinh năm 1940; địa chỉ: đường K, phường Vỹ Dạ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; địa chỉ: đường L, thị trấn T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q có thời gian tìm hiểu nhau được một thời gian. Sau khi được sự đồng ý hai bên gia đình, ông X và chị Q tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 11/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại nhà số 6/139 Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 05/2018, vợ chồng bắt đầu xãy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã. Hiện nay chúng tôi sống ly thân và không còn quan tâm nhau nữa. Nay vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông X và chị Q không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông X và chị Q được ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

[4] Về lệ phí Toà án: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí giải quyết ly hôn, ông X và chị Q đã nộp tại biên lai số AA/2013/006132 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Qthuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần X và chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí giải quyết ly hôn, ông X và chị Q đã nộp tại biên lai số AA/2013/006132 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Các đương sự; - VKSNDTP Huế;
- THATP Huế;
- TAND Tỉnh TTHuế;
- UBND thị trấn T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế;
-Lưu.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền